

SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG
BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA
27 THÁNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/TB-BVCK27/2

Sóc Trăng, ngày 13 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc xác định giá các mặt hàng mua sắm trực tiếp tại bệnh viện

Kính gửi: **QUÝ CÔNG TY**

Hiện tại, Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng đang có nhu cầu mua sắm trực tiếp thuốc để phục vụ cho khám chữa bệnh của bệnh viện.

Bệnh viện có tham khảo giá trúng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Quyết định 584/QĐ-BVM ngày 13/11/2024 của Giám Đốc Bệnh viện mắt Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Gói 1: Thuốc Generic thuộc KHLCNT, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc sử dụng tại Bệnh viện mắt Thanh Hóa năm 2024-2025; Quyết định 124/QĐ-BVCK27/2 ngày 28/10/2024 của Giám Đốc Bệnh Viện Chuyên Khoa 27 Tháng 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 1: Gói thầu thuốc generic 256 mặt hàng (đính kèm phụ lục 1).

Nay bệnh viện gửi thông báo này nhờ Quý công ty xác định giá các mặt hàng trong phụ lục 1 có phù hợp với thị trường hiện tại hay không và Quý công ty có đồng ý bán theo giá đã nêu tại phụ lục 1.

Kính nhờ Quý công ty phúc đáp văn bản theo mẫu phụ lục 2 về bệnh viện theo thông tin như sau:

- Đơn vị: Bệnh viện Chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng.
- Cách thức tiếp nhận:
 - Nhận trực tiếp tại Khoa Dược – VTTTBYT, Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng.
 - Địa chỉ: 504 Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng.
 - SĐT: 02993.614648
- Thời hạn tiếp nhận: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD



BSC/KL. Hồ Quang Hồng

PHỤ LỤC 1

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên Nhà thầu
1	Philmoxista eye drops	Moxifloxacin	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 2	24 tháng	VN-18575-14	Samchundang Pharmaceutical Co., Ltd	Hàn Quốc	Chai/Lọ/Ống	1.300	55.860	72.618.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT
2	Dalekine	Natri valproat	200 mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893114872324 (VD-32762-19)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	130.000	1.890	245.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
3	Olanxol	Olanzapin	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110094623	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	130.000	2.457	319.410.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
4	Phenytol 100 mg	Phenytoin	100 mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 100 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-23443-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	190.000	300	57.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
5	Zaromax 200	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrate)	200 mg	Uống	thuốc bột pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 1,5g	Nhóm 4	36 tháng	VD-26004-16	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Gói	240	1.600	384.000	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
6	Davita bone sugar free	Calci (dưới dạng Calci carbonat) + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	600mg + 400IU	Uống	viên nén sủi bọt	hộp 1 tuyp x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-21556-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1.300	1.380	1.794.000	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
7	AlphaDHG	Chymotrypsin (tương đương 4200 USP unit)	21 microkatal	Uống	viên nén	hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110844424 (VD-20546-14)	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	26.000	780	20.280.000	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
8	Telfor 180	Fexofenadin HCL	180mg	Uống	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	893100271023	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	13.000	1.010	13.130.000	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
9	Dasselta	Desloratadin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-22562-20	Krka, d.d., Novo Mesto	Slovenia	Viên	1.300	5.680	7.384.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM DONG
10	Capriles	Piracetam	800mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Nhóm 4	36 tháng	893110922324 (VD-26814-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	7.800	7.600	59.280.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Phú Minh
11	Tebantin 300mg	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-17714-14	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Viên	2.600	5.000	13.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách Niên
12	Vitamin C 250	Acid Ascorbic	250mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 200 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-35019-21	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	2.600	135	351.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
13	Katrypsin	Alpha chymotrypsin	21 microkatal	Uống	Viên nén	Hộp 15 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110347723	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	52.000	112	5.824.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
14	Kavadin 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	9.000	110	990.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
15	Atorvastatin 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-21312-14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	65.000	100	6.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
16	Celecoxib	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110810324 (VD-33466-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	6.500	343	2.229.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
17	Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34186-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	104.000	27	2.808.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
18	Domperidon	Domperidon (dưới dạng Domperidone maleate)	10mg	Uống	Viên nén	Chai 200 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110287323	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	650	62	40.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhiệm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên Nhà thầu
19	Esomeprazol 40mg	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium pellets (dưới dạng esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110354123	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	13.000	620	8.060.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
20	Gabapentin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-22908-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	33.000	355	11.715.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
21	Levosulpirid 50	Levosulpirid	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34694-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	26.000	1.305	33.930.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
22	Meloxicam	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	VD-31741-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	6.500	180	1.170.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
23	Glikanin	N-acetyl-dl-leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-22909-15	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	13.000	340	4.420.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
24	Vitamin PP	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 200 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110438324 (VD-31750-19)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	13.000	165	2.145.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
25	Kagadine	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-33461-19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	39.000	160	6.240.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
26	Trihexyphenidyl	Trihexyphenidyl hydroclorid	2mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110539224 (VD-30410-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	52.000	138	7.176.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
27	Hismedan	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 20 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-18742-13	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	90.000	126	11.340.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA
28	Staclazide 80	Gliclazid	80mg	uống	viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	VD-35321-21	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	1.300	1.827	2.375.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy
29	Itranstad	Iraconazol (dưới dạng Iraconazol vi hạt 22%)	100mg	uống	viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893110697524 (VD-22671-15)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	39.000	7.350	286.650.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy
30	Pravastatin STELLA 20 mg	Pravastatin sodium	20mg	uống	viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110462623	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	13.000	7.119	92.547.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khương Duy
31	Lidocain 40mg/2ml	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-23600-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Ống	1.900	525	997.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân
32	Vinpocetin 10mg	Vinpocetin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-33497-19	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	13.000	935	12.155.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân
33	Gliclada 30mg	Gliclazide	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 8 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	36 tháng	383110402323 (VN-20615-17)	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	15.600	2.550	39.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA
34	Lertazin 5mg	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-17199-13	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	13.000	4.450	57.850.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA
35	Fellaini	Acitretin	25mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-28983-18	Công ty CPDP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	900	17.000	15.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
36	Saganome	Mỗi tuýp 20g chứa: Mometason furoat 20mg	20mg/20g	Dùng ngoài	Thuốc kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 20g	Nhóm 5	36 tháng	VN-20635-17	Yashi Medicaire Pvt., Ltd	Ấn Độ	Tuýp	260	55.000	14.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG
37	Tenafine cream	Terbinafine hydrocloride 150mg/15g	150mg/15g	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 2	36 tháng	VN-21848-19	Dae Hwa Pharmaceutical Co, Ltd	Hàn Quốc	Tuýp	4.500	68.000	306.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚC LONG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tên Nhà thầu
38	SaVi Losartan 50	Losartan	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110318024 (VD-29122-18)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	39.000	1.150	44.850.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
39	SaVi Trimetazidine 35MR	Trimetazidin	35mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110543124 (VD-32875-19)	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	9.100	420	3.822.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA
40	SYNDOPA 275	Levodopa + Carbidopa (dưới dạng carbidopa anhydrous)	250 mg + 26.855 mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	48 tháng	VN-22686-20	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	6.500	3.150	20.475.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
41	Diquas	Natri diquatofosol	150mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-21445-18	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	1.300	129.675	168.577.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
42	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhóm 1	36 tháng	VN-19343-15	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.-Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	2.600	126.000	327.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
43	OLEANZ RAPITAB 5	Olanzapine	5mg	Ngậm	Viên nén rã trong miệng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	VN-22794-21	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	65.000	1.140	74.100.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
44	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	50mg/10ml + 50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhóm 1	30 tháng	499110415423	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga	Nhật	Lọ	60	67.500	4.050.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
45	Setbozi	Desloratadin	2,5mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-29079-18	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Ống	13.000	1.460	18.980.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
46	Gabartica 400	Gabapentin	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-24848-16	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.600	3.990	10.374.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
47	Epilona DR	Natri valproat	500mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893114258824	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	325.000	2.500	812.500.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
48	Prednisolone 5mg	Prednisolone	5mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110374323 (VD-24887-16)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	39.000	88	3.432.000	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
49	Propranolol	Propranolol HCl	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110045423 (VD-21392-14)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	2.600	600	1.560.000	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
50	Erylik	Erythromycin + Tretinoi	4% + 0,025%	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 ống nhóm 30g	Nhóm 1	24 tháng	VN-10603-10	Laboratoires Chemenieu	Pháp	Ống	400	113.000	45.200.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà
51	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-15893-12	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	7.800	8.000	62.400.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà
52	Psocabet	Calcipotriol + betamethason dipropionat	0,75mg+7,5mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	24 tháng	VD-29755-18	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Tuýp	390	150.000	58.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
53	Befucid	Fusidic acid + betamethason	2%+0,1%/15g (20mg+1mg/15g)	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 15g	Nhóm 4	36 tháng	893110400424 VD-29275-18	Công ty cổ phần dược phẩm TW Mediplantex	Việt Nam	Tuýp	1.260	38.495	48.503.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
54	DONOX 20mg	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-29396-18	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Viên	7.800	1.450	11.310.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
55	Prednisolon sachet	Prednisolon	5mg	Uống	Thuốc cốm/ bột	Hộp 30 gói	Nhóm 4	36 tháng	VD-32084-19	Công ty cổ phần dược phẩm Vaeopharm	Việt Nam	Gói	3.900	1.645	6.415.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
56	Predion 5 DT	Prednisolon acetat (natri phosphate)	5mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110919324 VD-21503-19	Công ty cổ phần dược phẩm Apimed	Việt Nam	Viên	26.000	1.359	35.334.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
57	PHILOCLEX	Tobramycin + dexamethason	(15mg+5mg)/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 2	24 tháng	880110032923 VN-19518-15	Hamlin Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Lọ	5.000	32.490	162.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
58	A.T Urea 20%	Urea	20%/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20g	Nhóm 4	36 tháng	VD-33398-19	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	5.700	53.991	307.748.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
59	Pivineuron	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg+250mg+1000mcg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110854124 VD-31272-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phúc Vinh	Việt Nam	Viên	32.000	1.950	62.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO
60	Metmy	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrate)	375mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	24 tháng	893110496024 (VD-27346-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Viên	2.600	9.900	25.740.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THẢO



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên Nhà thầu
61	Cebest	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	100mg/3g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 3g	Nhóm 3	30 tháng	VD-28341-17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	1.300	7.900	10.270.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
62	Agiclovir 400	Aciclovir	400mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-33369-19	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.500	840	1.260.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
63	Agivitac	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110380524 (VD-24705-16)	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	51.000	150	7.650.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
64	Galagi 8	Galantamin (dưới dạng Galantamin hydrobromid)	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110258123	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	19.000	4.893	92.967.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
65	Gel-aphos	Gel nhôm phosphat	20%/ 12,38g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110144824	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Gói	200	995	199.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
66	Zolcicetam 500	Levetracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34647-20	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	65.000	1.155	75.075.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
67	Olangim	Olanzapin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110258923	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	300.000	214	64.200.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
68	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110429124	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	780.000	384	299.520.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
69	Agirenyl	Retinyl acetat	5.000IU	Uống	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-14666-11	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	78.000	250	19.500.000	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
70	Biocemet DT 500mg/62,5mg	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg+62,5mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110415724 (VD-31719-19)	Chỉ nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	3.900	9.450	36.855.000	Công ty CP dược phẩm Imexpharm
71	Carsil 90mg	Silymarin	90mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 6 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-22116-19	Sopharma AD	Bulgaria	Viên	2.600	3.528	9.172.800	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM
72	Bacterocin Oint	Mupirocin	2%/15g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 2	24 tháng	VN-21777-19	GENUONE Sciences Inc	Hàn Quốc	Tuýp	650	98.000	63.700.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN THỊNH PHÁT
73	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	Natri clorid	0,9 %; 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Nhóm 4	36 tháng	893100479724	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	1.500	6.300	9.450.000	Công ty TNHH Dược phẩm Anpharm
74	Afusic	Acid Fusidic	2%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 15gam	Nhóm 4	36 tháng	893110000923	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	1.430	35.500	50.765.000	Công ty TNHH Dược phẩm Anpharm
75	Atrin 10	Ebastin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110148624 (VD-26755-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1.300	525	682.500	Công ty TNHH Dược phẩm Anpharm
76	A.T Zinc	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110702824 (VD-24740-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	234.000	128	29.952.000	Công ty TNHH Dược phẩm Anpharm
77	Antivic 75	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110277023	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1.900	525	997.500	Công ty TNHH Dược phẩm Anpharm
78	Molpadia 250 mg/25 mg	Levodopa + carbidopa	250mg+25mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110450223	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	39.000	3.234	126.126.000	Công Ty TNHH Dược Phẩm Cát Lâm

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên Nhà thầu
79	Nykob 5mg	Olanzapin	5mg	Uống	Viên phân tán tại miệng	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	36 tháng	52011041 0223 (VN-19853-16)	Genepham.SA	Greece	Viên	6.500	5.691	36.991.500	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh
80	Letrofam	Vinpocetin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 30 viên	Nhóm 1	48 tháng	VN-21201-18	UAB Aconitum	Litva (Lithuania)	Viên	51.500	2.835	146.002.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QDU
81	Ebarsun	Ivermectin	6mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 2 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-33869-19	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	Viên	600	14.142	8.485.200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SUN RISE
82	Crodinix	Rupatadine	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34915-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Viên	13.000	3.481	45.253.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SUN RISE
83	Tredalen	Adapalen	15mg(0,1%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	36 tháng	893110913024 (VD-33081-19)	Công Ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	1.300	52.450	68.185.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SON
84	Cinasav 10	Citalopram	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-28017-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	6.500	1.800	11.700.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo
85	Cinasav 10	Citalopram	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-28017-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	6.500	1.800	11.700.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo
86	Opemiro 15	Mirtazapin	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-27976-17	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	26.000	3.950	102.700.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo
87	Olanzap 10	Olanzapin	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-27043-17	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	100.000	1.050	105.000.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo
88	Queitoz-200	Quetiapin	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-19667-13	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	130.000	4.650	604.500.000	Công ty TNHH Dược Phẩm Trang Thiết Bị Y Tế Bin Bo
89	Conazonin	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22%)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 chai 30 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 vỉ x 4 viên	4	36 tháng	VD-26979-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	32.000	2.790	89.280.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT QUỐC
90	Wormectol 3	Ivermectin	3mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 2 viên	4	36 tháng	VD-27005-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	300	5.990	1.797.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT QUỐC
91	Divaser-F	Betahistin.2HCl	16mg	Uống	Viên nén dài	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-20359-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	130.000	499	64.870.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
92	Jewell	Mirtazapine	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-28466-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	52.000	1.533	79.716.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
93	Tacropic 0,03%	Mỗi tuýp (10 g) chứa: Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	0,03%	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 10g	Nhóm 4	36 tháng	VD-32813-19	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Tuýp	450	47.000	21.150.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
94	Thuốc mỡ Tacropic	Tacrolimus	10mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10g	Nhóm 4	36 tháng	VD-20364-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Tuýp	560	65.000	36.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
95	Tralop 0,05%	Clobetasol propionat	0,05%/10g	Thuốc dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10 gam	Nhóm 4	36 tháng	893110166523	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Tuýp	1.300	8.300	10.790.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt - Thái
96	Collamino 400	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110224323	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	50.000	238	11.900.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt - Thái
97	Tazeurin 30	Mirtazapin	30mg	Uống	viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 14 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110461624 (VD-32422-19)	Công ty TNHH liên doanh Hassan-Dermapharm	Việt Nam	Viên	78.000	798	62.244.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC

VIỆN KHÍ KHÁNH



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Tên Nhà thầu
98	Premilin 75mg	Pregabalin	75mg	Uống	viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, vỉ bấm AI – PVC	Nhóm 3	36 tháng	893110192024 (VD-25975-16)	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	1.300	5.245	6.818.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC
99	Rupafin	Rupatadin (dưới dạng Rupatadine fumarate)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	840110076423 (VN-19193-15)	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	39.000	6.500	253.500.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
100	Rupafin	Rupatadin (dưới dạng Rupatadine fumarate)	120mg/120ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp/ 1 chai 120ml	Nhóm 1	30 tháng	840110447523 (VN2-504-16)	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	260	120.000	31.200.000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
101	Acetazolamid	Acetazolamid DWP 250mg	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110030424	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Viên	17.000	1.092	18.564.000	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An

PHỤ LỤC 02

Tên đơn vị cung cấp

Số:.....

V/v xác định giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Kính gửi: Quý bệnh viện

Căn cứ thông báo số /TB-BVCK27/2 ngày /6/2025 của Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 về việc xác định giá các mặt hàng mua sắm trước tiếp tại bệnh viện

Bảng công văn này, tên đơn vị cung cấp đồng ý tham gia gói thầu theo đề nghị của Bệnh viện như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)